

Số: 127/VNCB-VTTBYT

V/v: Mời chào giá danh mục hóa chất, test sinh phẩm chẩn đoán, vật tư tiêu hao và tay dao plasma lần 2.

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị, tổ chức có chức năng cung ứng hóa chất, test sinh phẩm chẩn đoán, vật tư tiêu hao và tay dao plasma.

Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba xin trân trọng cảm ơn các đơn vị tổ chức, cá nhân đã cung ứng, hợp tác với bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba đang xây dựng dự toán Mua sắm hóa chất, test sinh phẩm chẩn đoán, vật tư tiêu hao và tay dao plasma. (theo danh mục đính kèm).

Bệnh viện kính mời các đơn vị có khả năng cung ứng hóa chất, test sinh phẩm chẩn đoán, vật tư tiêu hao và tay dao plasma gửi báo giá về văn thư Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba để bệnh viện lấy đó làm căn cứ cơ sở xây dựng giá dự toán mua sắm. Các đơn vị có thể gửi báo giá tham dự một hoặc nhiều mặt hàng.

Nơi nhận: phòng Văn thư Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam- Cu Ba

Địa chỉ: số 37 Hai Bà Trưng – Hoàn Kiếm – Hà Nội; trước 9h 00, ngày 13 tháng 04 năm 2023.

Đầu mối liên hệ: Bà Vương Thị Thúy Phương

ĐT/Fax: 024. 3939 3258

Yêu cầu hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu;


1. Đăng ký kinh doanh, hồ sơ công bố đủ điều kiện mua và bán trang thiết bị y tế.
2. Báo giá

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT - VTTBYT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Long

PHỤ LỤC:
DANH MỤC VẬT TƯ TIÊU HAO, TAY ĐAO PLASMA, HÓA CHẤT TEST SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN
 (Kèm thư mời chào giá ngày 02 tháng 4 năm 2023)

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Phân Nhóm	Chủng loại (model) / Mã sản phẩm	Tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng	Mã kê Khai	Nước SX	Hãng SX	Đơn giá	Thành tiền	Ghi Chú
1	Test chẩn đoán sốt xuất huyết Dengue IgG/IgM	30 test/hộp	Nhóm 1		<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Định tính phát hiện các kháng thể kháng vi rút Dengue (IgG/IgM) - Độ nhạy IgG: ≥97,3%; Độ đặc hiệu IgG: ≥99,3% - Độ nhạy IgM: ≥96.9%; Độ đặc hiệu IgM: ≥98.9% - Vùng cộng hợp: Kháng nguyên Dengue (A2302) tái tổ hợp kháng kháng nguyên Dengue (A2313) tái tổ hợp & IgG thỏ - Vạch kết quả M: Kháng thể chuột kháng IgM người - Vạch kết quả G: Kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG thỏ 	Test	2000						

2	Test nhanh chẩn đoán cúm (Influenza virus A,B) / Phát hiện kháng nguyên cúm	25 test/ hộp	Nhóm 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu thử: Dịch mũi, họng - Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B - Độ nhạy cúm A: $\geq 86.8\%$, độ đặc hiệu $\geq 94\%$ - Độ nhạy cúm B: $\geq 91.7\%$, độ đặc hiệu $\geq 97.5\%$ - Thành phần test thử: Cộg hợp vàng kháng thể kháng virut cúm A cộng hợp vàng kháng thể kháng virut cúm B - Vạch T1 kháng thể kháng kháng nguyên virut cúm A - Vạch T2 kháng thể kháng kháng nguyên virut cúm B - Vạch chứng kháng thể dề kháng IgG chuột 	Test	12000			
3	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết Dengue NS1	30 test/ hộp	Nhóm 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện kháng nguyên Vius Dengue Ag (Ns1) - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,6\%$ - Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Vùng cộng hợp: Kháng thể chuột kháng Dengue Ag - Vạch kết quả: Kháng thể thỏ kháng Dengue Ag - Vạch chứng: Kháng thể dề kháng IgG chuột 	Test	12000			
4	Thanh định danh trực khuẩn Bộ giá đờng E - API 20 E	25 thanh + 25 ống hóa chất/ Hộp	Nhóm 3	<ul style="list-style-type: none"> Thanh định danh trực khuẩn đờng ruột và các trực khuẩn Gram âm khác, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đờng khô 	Hộp	1			

1. 1. 1. 1. 1. 1.

5	Api 20C AUX	25 thanh + 25 ống hóa chất/ Hộp	Nhóm 3		Thanh định danh nấm men, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 7ml môi trường API C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
6	Thanh định danh cầu khuẩn Gram (+) - API Strep	25 thanh + 25 ống hóa chất/ Hộp	Nhóm 3		Thanh định danh liên cầu và cầu khuẩn đường ruột, gồm 20 giếng chứa hóa chất đông khô và 2ml môi trường API GP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	2				
7	Thanh định danh API Staph	25 thanh + 25 ống hóa chất/ Hộp	Nhóm 3		Thanh định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus, Micrococcus và Kocuria, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 6ml môi trường API Staph. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	2				
8	Thanh định danh vi khuẩn Bộ giá đường NE - API 20 NE	25 thanh + 25 ống hóa chất/ Hộp	Nhóm 3		Thanh định danh trực khuẩn ngoài đường ruột, dễ mọc, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đông khô và 7ml môi trường AUX. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
9	Bộ nhuộm Gram - Color Gram 2	Bộ 4 chai 250ml	Nhóm 5		Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranine chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	2				

10	Bộ nhuộm Ziel-neelsen	Bộ 3 chai 250ml	Nhóm 5		Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylene Blue chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	2				
11	Hóa chất dùng cho định danh - API 20 E reagent Bộ reagent kids	Hộp 6 ống	Nhóm 3		Hóa chất định danh 20E gồm 6 hóa chất JAMES, NIT1, NIT2, VPI, VP2, TDA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
12	Môi trường đông khô - Brilliance Uti Agar	Hộp 10 đĩa	Nhóm 5		Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ±0.2 ở 25°C; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp	1				
13	Chai cấy máu người lớn	(30 ml/chai x100 chai)/hộp	Nhóm 1		Chai cấy máu cầu tạo bằng polycarbonate, nắp màu xanh, chứa 30ml môi trường và 1.6g hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể, sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	50				
14	Chai cấy máu trẻ em (BACT/ALERT PF Plus)	(30 ml/chai x100 chai)/hộp	Nhóm 1		Chai cấy máu cầu tạo bằng polycarbonate, nắp màu vàng, chứa 30ml môi trường và 1.6g hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu, sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	50				



15	Khoanh kháng sinh Amoxicillin 20µg Clavulanic Acid 10µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Amoxicillin/Clavulanic acid có nồng độ 30 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
16	Khoanh kháng sinh Ampicillin/Sulbactam 20µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Ampicillin/Sulbactam có nồng độ 20 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
17	Khoanh kháng sinh Azithromycin 15µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Azithromycin có nồng độ 15 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
18	Khoanh kháng sinh Cefepime 30µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Cefepime có nồng độ 30 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
19	Khoanh kháng sinh Cefotaxime 30µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Cefotaxime có nồng độ 30µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
20	Khoanh kháng sinh Cefoxitin 30µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Cefoxitin có nồng độ 30 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
21	Khoanh kháng sinh Ceftazidime 30µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Ceftazidime có nồng độ 30 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				

22	Khoanh kháng sinh Ceftriaxone 30µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3	Khoanh giấy được tẩm Ceftriaxone có nồng độ 30 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
23	Khoanh kháng sinh Cefuroxime 30µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3	Khoanh giấy được tẩm Cefuroxime có nồng độ 30 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
24	Khoanh kháng sinh Co-trimoxazol	250 khoanh/hộp	Nhóm 3	Khoanh giấy kháng sinh Trimethoprim/Sulfamethoxazole tỉ lệ tiêu chuẩn 1:19 sử dụng cho xét nghiệm đánh giá kháng sinh độ vi khuẩn theo phương pháp khuếch tán đĩa thạch trong xét nghiệm và thử nghiệm vi sinh. Khoanh giấy đựng trong cartridge được hàn kín cùng với chất chống ẩm giúp duy trì độ ẩm dưới 2%. Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn CLSI, DIN, SFM. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
25	Khoanh kháng sinh Ciprofloxacin 5µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3	Khoanh giấy được tẩm Ciprofloxacin có nồng độ 5 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
26	Khoanh kháng sinh Clarithromycin 15µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3	Khoanh giấy được tẩm Clarithromycin có nồng độ 15µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
27	Khoanh kháng sinh Clindamycin 2µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3	Khoanh giấy được tẩm Clindamycin có nồng độ 2 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				

1 2 3 < 4

28	Khoanh kháng sinh Doxycycline 30µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Doxycycline có nồng độ 30 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
29	Khoanh kháng sinh Amikacin	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy kháng sinh Amikacin nồng độ tiêu chuẩn 30 µg sử dụng cho xét nghiệm đánh giá kháng sinh đồ vi khuẩn theo phương pháp khuếch tán đĩa thạch trong xét nghiệm và thử nghiệm vi sinh. Khoanh giấy đựng trong cartridge được hàn kín cùng với chất chống ẩm giúp duy trì độ ẩm dưới 2%. Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn CLSI, DIN, BSAC, EUCAST, SFM. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
30	Khoanh kháng sinh Imipenem 10µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Imipenem có nồng độ 10 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
31	Khoanh kháng sinh Levofloxacin 5µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Levofloxacin có nồng độ 5 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
32	Khoanh kháng sinh Piperacillin 100µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Piperacillin có nồng độ 100µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				
33	Khoanh kháng sinh Piperacillin/Tazobactam 110µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3		Khoanh giấy được tẩm Piperacillin/Tazobactam có nồng độ 110 µg Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	I				

34	Khoanh kháng sinh Vancomycin 30µg	250 khoanh/hộp	Nhóm 3	Khoanh giấy được tẩm Vancomycin có nồng độ 30 µg. Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
35	Môi trường nuôi cấy MUELLER HINTON AGAR	Hộp/500g	Nhóm 3	Môi trường thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh có thể được sử dụng trong các qui trình tiêu chuẩn được quốc tế công nhận. Môi trường dạng bột mịn, màu rom Thành phần (g/l): Beef, dehydrated infusion from 300.0, Casein hydrolysate 17.5, Starch 1.5, Agar 17.0 pH: 7.3 ± 0.1 tại 25°C Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1				
36	Môi trường nuôi cấy Sabouraud Dextrose Agar	Hộp/500g	Nhóm 3	Môi trường pH axit để phân lập nấm da, các loại nấm và nấm men khác Môi trường bột mịn màu rom Thành phần (g/l): Mycological peptone 10.0, Glucose (dextrose) 40.0, Agar 15.0 pH: 5.6 ± 0.2 Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	2				
37	Môi trường nuôi cấy BLOOD AGAR BASE	Hộp/500g	Nhóm 3	Môi trường đa năng không chọn lọc được dùng để tăng sinh các vi khuẩn gây bệnh và không gây bệnh. Có thể bổ sung máu hoặc huyết thanh. Môi trường dạng bột, màu rom Thành phần (g/l): 'Lab-lemco' powder 10.0, Peptone Neutralised 10.0, Sodium chloride 5.0, agar 15.0 pH: 7.3 ± 0.2 Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	3				

38	Tay dao cắt đốt VA và Amidal Plasma	1 cái /hộp	Nhóm 3	<p>Tương thích với Dao mổ Plasma Model: AEX AC39Generator (40-405-1) Hãng : Medtronic Amidal</p> <p>Dùng để cắt và cầm máu, cắt đốt VA và</p> <p>Nhiệt độ cắt cầm máu: Từ 40 đến 170oC</p> <p>Có tính năng kích hoạt chế độ đơn cực bằng bàn đạp chân hoặc nút bấm trên tay dao</p> <p>Tay dao plasma có thể uốn cong, tích hợp kênh hút bên trong tay dao</p> <p>Chu kỳ hoạt động: 10 giây bật, 30 giây tắt</p> <p>- Chế độ cắt: 3 chế độ</p> <p>Cắt công suất thấp: 0.5W đến 20W tại 100Ω, 1365V</p> <p>Cắt tinh: 10W đến 90W, tại 500 Ω 585V</p> <p>Cắt hỗn hợp: 10W đến 50W, tại 500Ω, 1300V</p> <p>- Chế độ cầm máu: 2 chế độ</p> <p>Mức thấp: 10W đến 50W, tại 500 Ω, 1500V</p> <p>Mức cao: 10W đến 50W, tại 1000Ω, 2600V</p> <p>Chế độ an toàn:</p> <p>Đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn : ES60601-1; IEC 60601-1, 60601-1-4; 60601-1-2; 60601-2-2; CAN/CSA C22.2 NO.601.1</p>	Hộp	60			
39	Mũi khoan tai loại phá đường kính 0.5mm, dài 64mm	5 cái/hộp	Nhóm 4	<p>Chất liệu: thép không rỉ/ hợp kim</p> <p>Tương thích với hệ thống khoan phẫu thuật Tai mũi họng model IPC Hãng Medtronic/Mỹ</p> <p>Dài: 64mm. Đường kính: 0.5mm</p> <p>Chất liệu: thép không rỉ/ hợp kim.</p> <p>Tương thích với hệ thống khoan phẫu thuật Tai mũi họng model IPC Hãng Medtronic/Mỹ</p> <p>Dài: 77mm. Đường kính: 1mm</p>	Cái	2			
40	Mũi khoan tai loại phá đường kính 1mm, dài 77mm	5 cái/hộp	Nhóm 4		Cái	2			

41	Mũi khoan tai loại phá đường kính 2mm, dài 78mm	5 cái/hộp	Nhóm 4		Chất liệu: thép không rỉ/ hợp kim. Tương thích với hệ thống khoan phẫu thuật Tai mũi họng model IPC Hãng Medtronic/Mỹ Đài: 78mm. Đường kính: 2mm	Cái	2				
42	Mũi khoan tai loại phá đường kính 3mm, dài 72mm	5 cái/hộp	Nhóm 4		Chất liệu: thép không rỉ/ hợp kim. Tương thích với hệ thống khoan phẫu thuật Tai mũi họng model IPC Hãng Medtronic/Mỹ Đài: 72mm. Đường kính: 3mm	Cái	2				
43	Mũi khoan tai loại phá đường kính 4mm, dài 69mm	5 cái/hộp	Nhóm 4		Chất liệu: thép không rỉ/ hợp kim. Tương thích với hệ thống khoan phẫu thuật Tai mũi họng model IPC Hãng Medtronic/Mỹ Đài: 69mm. Đường kính: 4mm	Cái	2				
44	Mũi khoan tai loại phá đường kính 5mm, dài 64mm	5 cái/hộp	Nhóm 4		Chất liệu: thép không rỉ/ hợp kim. Tương thích với hệ thống khoan phẫu thuật Tai mũi họng model IPC Hãng Medtronic/Mỹ Đài: 64mm. Đường kính: 5mm	Cái	2				
45	Mũi khoan tai loại phá đường kính 6mm, dài 64mm	5 cái/hộp	Nhóm 4		Chất liệu: thép không rỉ/ hợp kim. Tương thích với hệ thống khoan phẫu thuật Tai mũi họng model IPC Hãng Medtronic/Mỹ Đài: 64mm. Đường kính: 6mm	Cái	2				
46	Mũi khoan tai loại phá đường kính 7mm, dài 64mm	5 cái/hộp	Nhóm 4		Chất liệu: thép không rỉ/ hợp kim. Tương thích với hệ thống khoan phẫu thuật Tai mũi họng model IPC Hãng Medtronic/Mỹ Đài: 64mm. Đường kính: 7mm	Cái	2				
47	Giấy in ảnh	Hộp 240 tấm + 3 băng mực	Không phân nhóm		Hộp 240 tấm + 3 băng mực, Tương thích để sử dụng trên thiết bị bệnh viện đang sử dụng, máy in Misubishi.	Hộp	45				
48	Giấy in ảnh siêu âm	Hộp 108 tờ/ 3 khay mực	Không phân nhóm		Kích thước 10 x 15cm. Tương thích để sử dụng trên thiết bị bệnh viện đang sử dụng, máy in Canon	Hộp	50				

